EVENT		ROUND
Olympiad-29		9
SITE	**DATE**	**RESULT**
Novi Sad	26 November 1990	**0–1**
☐ WHITE	**■ BLACK**	
Urday Caceres, Henry	**Tolnai, Tibor**	
OPENING		
A39 · English Opening: Symmetrical Variation, Mecking Variation		

	☐ WHITE	■ BLACK
1	c4	Nf6
2	Nc3	c5
3	Nf3	Nc6
4	g3	g6
5	Bg2	Bg7
6	O-O	O-O
7	d4	cxd4
8	Nxd4	Ng4
9	Nc2	d6
10	Nd5	e6
11	Nc3	Nge5
12	Ne3	Na5
13	Qa4	Bd7
14	Qb4	Rc8
15	Qxd6	Naxc4
16	Nxc4	Nxc4
17	Qb4	b6
18	Rd1	Qe8
19	Rb1	a5
20	Qb3	b5
21	Ne4	Bc6
22	Nd6	Nxd6
23	Rxd6	b4
24	Bxc6	Rxc6
25	Bf4	Rc8
26	a3	Qb5
27	axb4	a4
28	Qd1	Qxb4
29	Ra6	Qb5
30	Qxa4	Qxe2

	☐ WHITE	■ BLACK
31	b3	Rc2
32	Rf1	Qf3
33	Be3	h5
34	b4	Rc4
35	Qd1	Qf5
36	Bc5	Rb8
37	Ra5	h4
38	Bd6	Rb5
39	Rxb5	Qxb5
40	Qf3	Rc6
41	Rd1	hxg3
42	hxg3	Rc8
43	Qd3	Qxd3
44	Rxd3	Rd8
45	b5	Bf8
46	b6	Rxd6
47	Rb3	Rd8
48	b7	Rb8
49	Kg2	f6
50	Kf3	Kf7
51	Ke4	Ke7
52	g4	Kd7
53	g5	f5+
54	Kd4	Bd6
55	Rh3	Rxb7
56	Rh6	Rb4+
57	Kd3	Rb3+
58	Ke2	Rb2+
59	Kf3	Bc5
60	Kf4	Kd6

Urday Caceres, Henry – Tolnai, Tibor

Olympiad-29 · 26 November 1990 · continued

	☐ WHITE	■ BLACK
61	Rxg6	Rxf2+
62	Kg3	Ke5
63	Rg8	Rf1
64	Kh4	Rg1
65	**0–1**	
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		
81		
82		
83		
84		
85		
86		
87		
88		
89		
90		

	☐ WHITE	■ BLACK
91		
92		
93		
94		
95		
96		
97		
98		
99		
100		
101		
102		
103		
104		
105		
106		
107		
108		
109		
110		
111		
112		
113		
114		
115		
116		
117		
118		
119		
120		